

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2009

Số: /TH-BC

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH THÁNG 10 NĂM 2009
NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

1. TÌNH HÌNH CHUNG

Tháng 10 là tháng các tỉnh miền Trung –Tây nguyên (tỉnh Kontum) triển khai khắc phục hậu quả nặng nề của cơn bão số 9; các tỉnh ven biển Bắc bộ phải đối phó với cơn bão số 10. Tình hình thiên tai cùng với dịch bệnh xuất hiện ở một số địa phương đã gây khó khăn cho sản xuất nông lâm thủy sản. Mặc dù vậy, với sự nỗ lực của toàn ngành, các tỉnh bị thiên tai tàn phá đang từng bước khắc phục hậu quả thiên tai để ổn định sản xuất; các tỉnh miền Bắc đẩy mạnh tiến độ thu hoạch lúa mùa, tích cực triển khai vụ đông; Các tỉnh Nam Bộ kết thúc thu hoạch lúa hè thu/thu đông...

Về trồng trọt, tính đến ngày 15/10/2009 lúa mùa trên cả nước cơ bản đã được thu hoạch (ở Bắc Bộ đạt 80% diện tích gieo trồng, ở Nam Bộ cơ bản thu hoạch xong). Ngoài ra, các tỉnh miền Bắc đang tích cực triển khai vụ đông và các tỉnh miền Nam chuyển trọng tâm sang xuống giống lúa mùa và lúa đông xuân sớm.

Formatted: Portuguese (Brazil)

Sản xuất chăn nuôi 8 tháng đầu năm 2009 phát triển tốt hơn so với cùng kỳ 2008. Giá cả thức ăn và giá bán sản phẩm tương đối ổn định đã tạo điều kiện thuận lợi cho chăn nuôi tiếp tục phát triển.

Tính đến ngày 22/10/2009, diện tích trồng rừng tập trung trên cả nước là 172,2 nghìn ha, đạt 75,8 % kế hoạch, tăng 9,6 % so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, diện tích trồng rừng phòng hộ, đặc dụng đạt 40,4 nghìn ha, tăng 59,2 % so với cùng kỳ năm trước, đạt 67,4 % kế hoạch., rừng sản xuất trồng đạt 131,8 nghìn ha, bằng cùng kỳ năm trước và đạt 78,8 % kế hoạch. Chăm sóc rừng trồng đạt 219 nghìn ha, tăng 46,3 % kế hoạch và bằng 89,8 % so với cùng kỳ năm trước. Trồng cây nhân dân đạt 170 triệu cây, bằng 85% kế hoạch và bằng 98,8 % so với cùng kỳ năm trước. Khoanh nuôi tái sinh rừng và trồng dặm đạt 754 nghìn ha, vượt 49,1 % kế hoạch và bằng 116,2 % so với cùng kỳ năm trước.

Tổng sản lượng thủy sản 10 tháng đầu năm 2009 ước đạt 3.978 nghìn tấn, tăng 4,2% so cùng kỳ năm trước, trong đó, sản lượng khai thác thủy sản đạt 1.833 nghìn tấn, tăng 4,6 % so với cùng kỳ năm 2008. Tháng 10, hoạt động khai thác thủy sản cũng gặp khó khăn vì tình hình bão và áp thấp nhiệt đới. Sản lượng nuôi trồng thủy sản 10 tháng đạt 2.145 ngàn tấn, trong đó tháng 10/2009 ước đạt 200 ngàn tấn, tăng 89,4% so với kế hoạch, tăng 3,8 % so với cùng kỳ năm 2008.

Formatted: Portuguese (Brazil)

Formatted: Portuguese (Brazil)

Formatted: Vietnamese

Tháng 10/2009, tổng giá trị xuất khẩu nông lâm thủy sản đạt 1,28 tỷ USD. Trong đó, xuất khẩu các mặt hàng nông sản chính ước đạt 550 triệu USD, thủy sản 430 triệu USD, lâm sản chính ước đạt 237 triệu USD. Tổng giá trị xuất khẩu toàn ngành 10 tháng đầu năm ước đạt 12,674 tỷ USD, giảm gần 9 % so với cùng kỳ năm 2008.

Tổng giá trị nhập khẩu các mặt hàng nông sản và vật tư, nguyên liệu chủ yếu 10 tháng đầu năm 2009 đạt 8,373 tỷ USD, giảm 5,5 % so với cùng kỳ năm ngoái.

Tình hình thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu đến tháng 10/2009 như sau :

Chỉ tiêu	Ước TH	Tỷ lệ (%)*
1. Thu hoạch lúa mùa ở miền Bắc (nghìn ha)	885,1	125,6
2. Gieo cấy lúa mùa ở miền Nam (nghìn ha)	759,5	98,1
Trong đó : Đồng bằng SCL (nghìn ha)	407,7	99,1
3. Gieo cấy lúa đông xuân ở miền Nam	221,6	94,3
Trong đó : Đồng bằng SCL (nghìn ha)	144,4	90,1
4. Gieo trồng cây vụ đông ở miền Bắc (nghìn ha)	331,7	98,3
5. Trồng rừng tập trung (nghìn ha)	172,2	109,6
Trong đó: Rừng phòng hộ, đặc dụng	40,4	159,2
Rừng sản xuất	131,8	100,0
6. Tổng sản lượng thủy sản (nghìn tấn)	3.978	104,2
Trong đó: Sản lượng khai thác (nghìn tấn)	1.833	104,6
Sản lượng nuôi trồng (nghìn tấn)	2.145	103,8
7. Giá trị xuất khẩu (triệu USD)	12.674	91,12
Trong đó: Nông sản	6.599	89,62
Thủy sản	3.469	90,38
Lâm sản	2.147	85,92

Ghi chú : * So với cùng kỳ

** Miền Bắc bao gồm cả cây vụ đông

Formatted: English (U.S.)

2. KẾT QUẢ SẢN XUẤT NGÀNH

2.1. Trồng trọt, bảo vệ thực vật

2.1.1. Trồng trọt

Các tỉnh miền Bắc: Tính đến ngày 15/10/2009 đã thu hoạch 885,1 ngàn ha lúa mùa, chiếm 74,6% diện tích gieo cấy, trong đó các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng đã thu hoạch gần 80% diện tích trong điều kiện thời tiết thuận lợi, vùng Đông Bắc thu hoạch 72% và vùng Tây Bắc thu hoạch 43% diện tích gieo cấy. Các tỉnh vùng Bắc Trung bộ thu hoạch đạt 85,3% diện tích gieo cấy trong điều kiện gặt chạy lụt do ảnh hưởng của bão số 9. Nhìn chung, tốc độ thu hoạch lúa mùa ở các vùng đều nhanh hơn cùng kỳ năm trước từ 15 -27%, tạo điều kiện giải phóng đất gieo trồng cây vụ đông.

Bên cạnh việc thu hoạch sớm lúa mùa, thời tiết trong tháng cũng rất thuận lợi cho việc triển khai gieo trồng cây vụ đông. Tính đến trung tuần tháng 10, các địa phương miền Bắc đã gieo trồng được 331,7 ngàn ha cây vụ đông bằng 98,3% cùng kỳ năm trước, trong đó cây ngô đạt 137,3 ngàn ha bằng 95,7%, đậu tương đạt 72,8 ngàn ha, tăng 5,9%, rau các loại đạt 69,5 ngàn ha, tăng 1,3%, khoai lang, lạc đều đạt hơn 86% so với cùng kỳ năm trước. Điều đáng chú ý trong vụ đông năm nay là các địa phương có điều

kiện chủ động trong việc bố trí thời vụ gieo trồng hợp lý, trừ cây ngô thời vụ gieo trồng không nhiều, các cây trồng khác thời vụ đang còn khá dài. Dự kiến diện tích gieo trồng các cây vụ đông sẽ tăng nhanh trong nửa cuối tháng 10 và trong các tháng 11 và 12 tới.

Các tỉnh miền Nam: Trong tháng đã cơ bản kết thúc thu hoạch lúa hè thu/thu đông, chuyển trọng tâm sang xuống giống lúa vụ mùa và vụ đông xuân sớm. Tính đến ngày 15/10/2009, các địa phương đã xuống giống hơn 750 ngàn ha lúa mùa và hơn 220 ngàn ha lúa đông xuân sớm. Tốc độ xuống giống lúa mùa đạt xấp xỉ cùng kì năm trước, còn lúa đông xuân chỉ bằng 94,3% cùng kì. Riêng các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long diện tích xuống giống lúa mùa đạt gần 410 ngàn ha tương đương cùng kì năm trước, còn lúa đông xuân mới xuống giống đạt 145 ngàn ha, giảm 10% so với cùng kì năm trước.

2.1.2. Tình hình sâu bệnh hại lúa

Các tỉnh miền Bắc:

- **Bệnh vàng lùn và lùn xoắn lá:** + *Trên lúa Hè Thu:* Tại tỉnh Nghệ An bệnh phát sinh gây hại nặng 4.035 ha, trong đó có hàng ngàn ha bị nhiễm rất nặng cần phải tiêu huỷ. Tính đến ngày 10/10 đã tiêu huỷ 3.564 ha chuyển trồng ngô và một số cây màu khác. Ngoài ra, trên các địa bàn thuộc tỉnh Nam Định, Thái Bình, Bắc Giang, Ninh Bình, Hải Phòng, Hòa Bình, Quảng Ninh lúa bị hại trên diện hẹp đối với các giống chính như Bắc thơm số 7, T10, N46, Bắc Ưu 903,... Diện tích nhiễm trên 22.130 ha, trong đó đã có 6.873 ha bị mất trắng.

+ *Trên lúa mùa:* Tổng diện tích nhiễm 8.790 ha, trong đó có 5.740 ha nhiễm nặng, tập trung tại các địa bàn các tỉnh Nghệ An (tính đến 12/10 diện tích nhiễm 7.849 ha, đã tiêu huỷ 1.697 ha), Thanh Hoá diện tích nhiễm 942 ha, đã phải tiêu huỷ 114 ha.

- **Rầy nâu & rầy lưng trắng:** Tập trung chủ yếu trên lúa mùa thuộc vùng đồng bằng Bắc bộ với diện tích nhiễm và mức độ thiệt hại cao hơn cùng kỳ năm trước. Theo thống kê sơ bộ của ngành BVTV, diện tích nhiễm đã lên tới 28.394 ha, trong đó nặng 2.560 ha, riêng diện tích bị cháy rầy mất trắng trên 15 ha.

- **Sâu đục thân 2 chấm:** Gây hại trên lúa mùa làm đòng, trở chín, tổng diện tích nhiễm gần 34 ngàn ha, trong đó có gần 5 ngàn ha bị nhiễm nặng. So với cùng kỳ năm trước diện tích nhiễm giảm 2.500 ha.

- **Sâu cuốn lá nhỏ:** Diện tích nhiễm và mức độ thiệt hại cao hơn cùng kỳ năm trước. Tổng diện tích nhiễm 45.659 ha, trong đó nặng 12.517 ha.

Các tỉnh miền Nam:

- **Rầy nâu:** Các địa phương có rầy nâu xuất hiện phổ biến, gồm: Bình Thuận, An Giang, Long An, Trà Vinh, Vĩnh Long,... Diện tích nhiễm hiện tại trên 21.000 ha, giảm 13.700 ha so với cùng kỳ năm trước, mật độ phổ biến từ 1.000–1.500 con/m².

- **Bệnh vàng lùn, LXL:** Diện tích nhiễm chỉ hơn 700 ha, giảm 12 ngàn ha so với cuối tháng trước, trong đó diện tích nhiễm nặng 138 ha.

Formatted: Portuguese (Brazil)

Formatted: Portuguese (Brazil)

Formatted: Spanish (Spain-Modern Sort)

Formatted: Spanish (Spain-Modern Sort)

Formatted: Spanish (Spain-Modern Sort)

Formatted: Spanish (Spain-Modern Sort)

- **Bệnh đạo ôn:** Toàn vùng có trên 15.000 ha bị nhiễm bệnh, giảm 6.500 ha so với cùng kì năm trước, tỷ lệ bệnh phổ biến 5 -10%, chỉ 20 ha có tỷ lệ nhiễm bệnh 20%.

- **Sâu cuốn lá nhỏ:** Diện tích nhiễm 7.486 ha, giảm 2.954 ha so với cùng kì năm trước. Các tỉnh có sâu cuốn lá nhỏ xuất hiện như An Giang, Trà Vinh, Bình Thuận, Vĩnh Long, Long An, Sóc Trăng...

2.2. Chăn nuôi, thú y

2.2.1. Tình hình sản xuất chăn nuôi 10 tháng đầu năm 2009

Nhìn chung, tình hình chăn nuôi không có biến động lớn, chăn nuôi gia súc ăn cỏ phát triển ổn định góp phần nâng cao thu nhập cho người nông dân. Dịch bệnh lợn tai xanh xuất hiện tại tỉnh Bạc Liêu. Giá lợn hơi tại khu vực phía Nam đứng hoặc tăng nhẹ, bình quân dao động từ 32.000 - 36.000đ/kg. Giá thịt heo đùi tại các chợ bán lẻ phổ biến ở mức 60.000-65.000đ/kg. Theo thông tin Trại giống Đông Á: giá heo thịt 34.000đ/kg; giá heo giống 87.000đ/kg giống thương phẩm, 4.800.000-5.000.000đ/nái hậu bị; 8.000.000-8.500.000 đ/đực hậu bị. Trong khi đó giá lợn hơi ở khu vực phía Bắc ở mức thấp hơn, dao động từ 23.000 - 29.000đ/kg.

Theo thông tin từ Trung tâm nghiên cứu và chuyển giao TBKT chăn nuôi (Vigova); tại khu vực Đồng Nai, giá gà thả vườn thương phẩm 1 ngày tuổi 7.000đ/con; giá gà công nghiệp 3.000đ/con; gà ta giống 9.000đ/con; gà thịt thả vườn ở mức 29.000-31.000đ/kg; gà thịt công nghiệp: 23.000-25.000đ/kg. Vịt giống bố mẹ 17.000đ/con mái, 25.000đ/con trống; vịt siêu thịt thương phẩm 1 ngày tuổi giá 10.000-11.000đ/con; vịt thịt giá 27.000đ/kg.

Theo Công ty giống bò sữa TP.HCM, giá giống bò sữa F1 50.000đ/kg (có chữa); 55.000đ/kg (bò tơ). Bò giống F2 65.000đ/kg (có chữa); 60.000đ/kg (bò tơ). Sữa bò tươi 7.400đ/kg. Giá bò thịt hơi: 28.000- 30.000đ/kg. Giá dê giống: 100.000đ/kg. Giá thỏ giống: 100.000đ/kg, thỏ thịt: 30.000đ/kg.

Formatted: Vietnamese

Về nguyên liệu thức ăn chăn nuôi so với tháng 9, tháng 10/2009 giá khô đỗ tương tiếp tục giảm 8.800đ/kg (giảm 1,4%), ngược lại một số nguyên liệu khác có tăng: ngô 4.400đ/kg (tăng 2,2%), bột cá sản xuất trong nước 60% protein 16.800đ/kg (tăng 3,7%); cám gạo 4.700đ/kg (tăng 6,6%), sắn khô 3.600đ/kg (tăng 1,4%), lyzin 38.000đ/kg (tăng 8,6%); methionin 98.000đ/kg không tăng; giá thức ăn chăn nuôi thành phẩm không tăng: cám gà Broiler 7.000đ/kg, cám lợn thịt giai đoạn từ 60kg đến xuất chuồng 5.800đ/kg.

Formatted: Vietnamese

2.2.2. Tình hình dịch bệnh

a) Dịch Cúm gia cầm

Trong tháng không có báo cáo ổ dịch mới phát sinh từ các địa phương.

Đến thời điểm báo cáo, cả nước không còn địa phương nào có dịch Cúm gia cầm.

Formatted: Vietnamese

b) Dịch Lở mồm long móng

Trong tháng một số địa phương đã xảy ra dịch lở mồm long móng, các Chi cục Thú y đã tiến hành các biện pháp phòng, chống dịch theo quy định, điều tra làm rõ nguồn gốc ổ dịch:

Formatted: Vietnamese

- **Lai Châu:** Từ ngày 29/9/2009 đến ngày 3/10/2009, dịch Lở mồm long móng đã xảy ra trên địa bàn 02 xã là Trung Đông (huyện Tân Uyên) và Ta Gia (huyện Than Uyên). Đến ngày 16/10/2009, số gia súc mắc bệnh là 66 con trâu và 01 con lợn. Hiện tại, địa phương đang tiến hành các biện pháp phòng, chống dịch theo quy định.

- **Đắk Lắk:** Tính đến ngày 21/10 số gia súc mắc bệnh là 520 con và hiện nay có 6 huyện, Tp. Buôn Ma Thuột có dịch (Krông Bông, Krông Năng, Cư Kuin, Krông Ana, Krông Păk, Tp. BMT). Riêng huyện Ea H'leo, Lăk đã qua 21 ngày không xảy ra dịch, đủ điều kiện để chuẩn bị thủ tục công bố hết dịch.

- **Gia Lai:** Trong tháng 10 đã xảy ra dịch LMLM ở 02 huyện Đức Cơ và Ia Pa với số con bị bệnh 56 con (Đức Cơ 45 và Ia Pa 11 con) số hộ 29 hộ có bò bị bệnh, số con đã chữa khỏi 42 con, số con còn bệnh 14 con đang tiếp tục chữa trị, đồng thời ngành cũng tăng cường công tác tuyên truyền đến người dân tích cực tham gia công tác phòng chống, quản lý tốt ổ dịch, hạn chế sự lây lan trên diện rộng.

- **Quảng Ninh:** Từ ngày 07/9 đến 14/10/2009 dịch bệnh LMLM gia súc đã phát sinh tại 111 hộ gia đình ở 16 xã, phường thuộc địa bàn các địa phương thành phố Móng Cái, các huyện Hải Hà, Đầm Hà, Tiên Yên, thị xã Cẩm Phả. Đã có 289 con gia súc (trâu, bò, lợn) bị bệnh

- **Hà Giang:** Tính đến ngày 21/10, trên địa bàn toàn tỉnh có 302 con gia súc mắc bệnh xảy ra ở 4 huyện, trong đó Mèo Vạc 264 con (257 con bò, 7 con lợn), huyện Đồng Văn 22 con bò, 17 con trâu, 1 con lợn, huyện Quản Bạ 12 con trâu, huyện Quang Bình 4 con trâu

- **Tuyên Quang:** Từ ngày 14/9/2009 đến 15/10/2009, trên địa bàn tỉnh có thêm 34 con gia súc bị mắc bệnh lở mồm long móng, nâng tổng số gia súc bị mắc bệnh và đã tiêu huỷ là 270 con; tính đến ngày 15/10/2009, huyện Hàm Yên đã qua 15 ngày và Yên Sơn đã qua 24 ngày không phát sinh thêm gia súc mắc bệnh lở mồm long móng. Sở NN và PTNT tỉnh đang tập trung phối hợp với UBND các huyện, thị xã chỉ đạo và triển khai thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng, chống dịch bệnh gia súc trên địa bàn toàn tỉnh.

Hiện nay, cả nước còn 12 tỉnh là: Quảng Nam, Đắk Nông, Tuyên Quang, Đắk Lắk, Nghệ An, Yên Bái, Sơn La, Hà Giang, Quảng Ninh, Gia Lai, Hòa Bình và Lai Châu có dịch LMLM chưa qua 21 ngày.

Formatted: Dutch (Netherlands)

c) Dịch Tai xanh trên lợn

Tính đến thời điểm hiện nay, cả nước ta không còn tỉnh nào có dịch tai xanh trên lợn chưa qua 21 ngày, nhìn chung, công tác phòng chống dịch tại các địa phương đã áp dụng đúng theo quy định.

2.3. Lâm nghiệp

2.3.1. Thực hiện công tác lâm sinh

Tính đến ngày 22/10/2009, diện tích trồng rừng tập trung trên cả nước là 172,2 nghìn ha, đạt 75,8 % kế hoạch, tăng 9,6 % so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, diện tích

trồng rừng phòng hộ, đặc dụng đạt 40,4 nghìn ha, tăng 59,2 % so với cùng kỳ năm trước, đạt 67,4 % kế hoạch, rừng sản xuất trồng đạt 131,8 nghìn ha, bằng cùng kỳ năm trước và đạt 78,8 % kế hoạch. Chăm sóc rừng trồng đạt 219 nghìn ha, tăng 46,3 % kế hoạch và bằng 89,8 % so với cùng kỳ năm trước. Trồng cây nhân dân đạt 170 triệu cây, bằng 85% kế hoạch và bằng 98,8 % so với cùng kỳ năm trước. Khoanh nuôi tái sinh rừng và trồng dặm đạt 754,4 nghìn ha, vượt 49,1 % kế hoạch và bằng 116,2 % so với cùng kỳ năm trước. Khoán quản lý bảo vệ rừng đạt 2.516,4 nghìn ha, vượt 65,1 % kế hoạch và bằng 118,3 % so với cùng kỳ năm trước. Thực hiện khai thác gỗ đạt 2.955 nghìn m³, đạt 67,5 % kế hoạch, tăng 7 % so với cùng kỳ năm trước.

Các tỉnh miền Bắc: Đã cơ bản hoàn thành kế hoạch trồng rừng năm 2009 ngoại trừ một số tỉnh chưa hoàn thành kế hoạch do công tác thiết kế chậm, địa bàn trồng rừng ngày càng chuyển vào vùng sâu, vùng xa và manh mún, giao thông không thuận lợi và hạn hán kéo dài. Đến ngày 22/10/2009, các tỉnh miền Bắc đã trồng được 138,7 nghìn ha, chiếm 80,5 % diện tích trồng rừng cả nước. Trong đó, các tỉnh Đông Bắc có diện tích trồng rừng lớn nhất trên cả nước, với 92 nghìn ha, tiếp đến là Tây Bắc trồng được 19,7 nghìn ha. Các tỉnh có diện tích trồng rừng lớn là Quảng Ninh (16.074 ha), Tuyên Quang (14.602 ha), Yên Bái (14.034 ha), Hà Giang (13.900 ha), Thanh Hoá (12.000 ha). Các tỉnh miền Bắc đang tập trung chăm sóc diện tích rừng đã trồng, tiếp tục khoán bảo vệ và khoanh nuôi tái sinh diện tích rừng tự nhiên, rừng trồng qua các năm. Một số tỉnh tiếp tục thực hiện công tác cấm mốc ranh giới 3 loại rừng theo kế hoạch, tổ chức kiểm tra, thẩm định, thu hồi chuyên đồi mục đích sử dụng rừng và đất lâm nghiệp, để sử dụng vào mục đích khác.

Các tỉnh miền Nam: Đang tiến hành trồng rừng theo kế hoạch được giao. Tính đến ngày 22/10/2009, các tỉnh miền Nam đã trồng được 30.195 ha rừng, trong đó rừng phòng hộ, đặc dụng là 8.721 ha, rừng sản xuất là 21.474 ha. Các tỉnh trồng rừng nhiều là Bình Thuận (5.688 ha), Đắk Lắk (5.026 ha), Kon Tum (2.294 ha). Đắk Nông (1.982 ha). Bên cạnh việc trồng rừng, các tỉnh miền Nam đang tiến hành kiểm tra toàn diện và trồng dặm những cây bị chết đảm bảo mật độ theo quy định, tiếp tục chăm sóc rừng trồng, thực hiện nghiệm thu cơ sở và bàn giao cho địa phương chăm sóc, khoán khoanh nuôi tái sinh, quản lý và bảo vệ rừng. Ngoài ra, các tỉnh tiếp tục theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện công tác cấm mốc, phân định ranh giới lâm phân theo quy hoạch 3 loại rừng trên thực địa theo phương án được duyệt. Một số địa phương thực hiện công tác giải quyết tình trạng bao, lấn chiếm, sử dụng đất lâm nghiệp không đúng mục đích trên địa bàn tỉnh để tăng diện tích đất trồng rừng.

2.3. 2. Tình hình vi phạm lâm luật

Formatted: Portuguese (Brazil)

Các địa phương trong cả nước đang tổ chức lực lượng kiểm tra, xử lý các đối tượng vi phạm quy định về luật bảo vệ và phát triển rừng trong đó cụ thể số vụ vi phạm tại các địa phương như sau: Lào cai (20 vụ), Quảng Ninh (48 vụ), Cao Bằng (231 vụ), Điện Biên (42 vụ), Yên Bái (38 vụ), Nghệ An (102 vụ), Đà Nẵng (23 vụ), Quảng Ngãi (12 vụ), Kon Tum (38 vụ), Đắk Lắk (115 vụ), Tây Ninh (18 vụ), TP. HCM (16 vụ)...

2.3. 3. Tình hình phòng cháy, chữa cháy rừng

Các địa phương tiếp tục thực hiện công tác tuyên truyền vận động nhân dân tích cực phòng chống cháy rừng, kiểm tra công tác bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng. Tính đến nay diện tích rừng bị cháy trong cả nước là 1.590 ha

Formatted: Dutch (Netherlands)

Formatted: Dutch (Netherlands)

Formatted: Dutch (Netherlands)

2.4. Nghề muối

2.4.1. Kết quả đạt được :

Hiện các tỉnh miền Bắc và miền Trung ở một số nơi vẫn còn sản xuất. Sản lượng muối tính đến 15/10/09 ước đạt 710.000 tấn bằng 88% so với cùng kỳ năm trước

Về giá muối: nhìn chung giá muối trên cả nước hiện đang giữ được ổn định, ít biến động so với tháng 9/2009 (trừ một vài nơi như vùng muối Nghệ An và muối công nghiệp ở miền Trung có chiều hướng giảm nhẹ):

+ Giá các tỉnh miền Bắc: 1.100đ/kg-1.500đ/kg

+ Các tỉnh Đông Nam Bộ và duyên hải miền Trung: 900đ/kg -1.600đ/kg (trong đó giá muối công nghiệp: 1.000đ/kg-1.200đ/kg)

+ Các tỉnh đồng bằng Sông Cửu Long: 1.250đ/kg- 1.600đ/kg

2.4.2. Đánh giá kết quả:

Do mưa bão nhiều, thời tiết trong tháng không thuận lợi cho sản xuất muối nên sản lượng muối thu hoạch trong tháng 10 của cả nước (ở những vùng còn sản xuất) không được nhiều.

Giá muối trong toàn quốc vẫn giữ ở mức hợp lý từ đầu năm đến nay, vì vậy bà con diêm dân tích cực bám nắng, yên tâm sản xuất.

Trước tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, Cục Chế biến thương mại nông lâm thủy sản và nghề muối cũng yêu cầu các địa phương có sản xuất muối chuẩn bị tốt công tác dự báo, đồng thời đôn đốc, theo dõi sát diễn biến tình hình sản xuất để có thể ứng phó kịp thời với những khó khăn do thời tiết gây ra cho bà con diêm dân.

2.5. Thủy sản

2.5.1. Khai thác thủy sản

Do ảnh hưởng của bão và áp thấp nhiệt đới trên biển ảnh hưởng từ vịnh Bắc Bộ đến các vùng biển Nam Trung Bộ nên trong tháng 10 số chuyến biển khai thác của tàu thuyền giảm đáng kể, vì thế sản lượng khai thác trong tháng 10/2009 ước đạt 155 ngàn tấn, tuy nhiên những ngày sau bão, ngư trường nhìn chung thuận lợi; một số nghề như: vây rút chì tuyến lộng, pha xúc, giã, lặn, lưới giả...hoạt động có hiệu quả. Ước sản lượng khai thác thủy sản 10 tháng đạt 1.833 ngàn tấn đạt 83,3% so với kế hoạch, tăng 4,6% so với cùng kỳ. Trong đó khai thác biển ước đạt 1.682 ngàn tấn, khai thác nội địa ước đạt 151 ngàn tấn. (phụ lục số 7).

Formatted: Portuguese (Brazil)

Trong đó tại Hải Phòng (35.000 tấn), Quảng Ninh (38.995 tấn), Nam Định (31.500 tấn: Khai thác biển 29.507 tấn, khai thác nội địa 1.993 tấn), Nghệ An (52.457 tấn: khai thác biển 49.048 tấn; khai thác nội địa 2.953 tấn), Quảng Ngãi (ước đạt 82.732 tấn: khai thác biển 82.340 tấn và khai thác nội địa 392 tấn), Tiền Giang (65.481 tấn: khai thác biển: 61.809 tấn, nội địa: 572 tấn), TP HCM (16.712 tấn), Bình Thuận (19.040 tấn). Trà Vinh (48.021 tấn: khai thác biển: 46.381 tấn; nội địa: 1.640 tấn). TP HCM (16.712 tấn).

Formatted: Portuguese (Brazil)

Formatted: Portuguese (Brazil)

Formatted: Portuguese (Brazil)

Bộ NN&PTNT đã khuyến cáo các Sở NN&PTNT và chính quyền địa phương các tỉnh ven biển thường xuyên, kịp thời nắm chắc, chính xác số lượng tàu thuyền, số lượng thuyền viên, vị trí tọa độ và thông báo kịp thời khi có áp thấp nhiệt đới, bão xảy ra theo quy định.

Formatted: Norwegian (Bokmål)

2.5.2. Nuôi trồng thủy sản

Sản lượng nuôi trồng thủy sản 10 tháng đạt 2.145 ngàn tấn, trong đó tháng 10/2009 ước đạt 200 ngàn tấn, tăng 89,4 % so với kế hoạch, tăng 3,8 % so với cùng kỳ năm 2008 (phụ lục số 7).

Formatted: Portuguese (Brazil)

Formatted: Portuguese (Brazil)

Formatted: Portuguese (Brazil)

Theo thống kê, sản lượng và diện tích thu hoạch cá tra, tôm sú..., do người nuôi thả giống không đồng loạt, rải đều suốt vụ nuôi dẫn đến thu hoạch trong khung thời gian rộng, giá bán tôm và cá nguyên liệu đến nay luôn ổn định ở mức cao. Sản lượng và diện tích NTTS của các tỉnh như sau: tại Bắc Giang (14.122 tấn), Quảng Ninh (22.115 tấn), Hải Phòng (39.355,8 tấn), Nam Định (40.003 tấn), Nghệ An (21.976 ha, sản lượng 83.840 tấn), Cần Thơ (13.688,7 ha; 127.727,6 tấn), Bình Thuận (9.231 tấn), TP HCM (17.033 tấn).

Formatted: Portuguese (Brazil)

Formatted: Portuguese (Brazil)

Trong đó sản lượng và diện tích nuôi cá Tra tại các đại phương: Vĩnh Long (397 ha; 89.262 tấn), Tiền Giang (84,4 ha; 27.968 tấn), Cần Thơ (1.331,2 ha; 113.621,5 tấn), Bạc Liêu (123.569 ha; 99.420 tấn), Bến Tre (715 ha, 70.000 tấn). Theo thống kê, hiện giá cá tra nguyên liệu 15.000-15.500 đ/kg, tăng 500 đ/kg so với tháng trước. So với giá thành sản xuất 1 kg cá tra nguyên liệu là 14.500 – 15.000 đ/kg, người nuôi có thể lời 500-1.000 đ/kg hoặc hòa vốn.

Formatted: Portuguese (Brazil)

Formatted: Portuguese (Brazil)

Formatted: Portuguese (Brazil)

Formatted: Portuguese (Brazil)

Sản lượng và diện tích tôm: Tiền Giang (tôm sú: 6.887 tấn, tôm thẻ: 1.303 tấn), Bến Tre (tôm sú: 15.000 tấn), Bình Thuận (6.222 tấn tôm các loại), Long An (4.102,1ha; 4.617,59 tấn. Trong đó: tôm sú: 3.084,85 ha, 3.179,45 tấn; tôm thẻ chân trắng: 798,25 ha, 1.416,51 tấn; tôm càng xanh: 81 ha, 57,63 tấn). Trà Vinh (14.982 tấn tôm sú).

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

3. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA KHỐI DOANH NGHIỆP

Theo số liệu báo cáo nhận được tính đến 16h00 ngày 23/10/2009, giá trị sản xuất công nghiệp (tính theo giá cố định 1994) của một số doanh nghiệp trong tháng 10/2009 ước tính như sau:

Formatted: Dutch (Netherlands)

Đơn vị tính : triệu đồng

Số TT	Tên doanh nghiệp	Ước TH tháng 10/2009
1	Tổng công ty Lương thực miền Bắc	107.835
2	Tổng công ty Rau quả	36.100
3	Công ty cổ phần in Nông nghiệp	170

Tình hình sản xuất mía đường

a, Tình hình sản xuất:

Đến 15/10/09, đã có 11 nhà máy đường ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long vào sản xuất. Các nhà máy đã ép được 478.000 tấn mía, sản xuất được 35.240 tấn đường.

b, Tình hình tiêu thụ và cân đối cung cầu:

Lượng đường các nhà máy bán ra từ 15/9/09 đến 15/10/09 là 46.500 tấn, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước 33.500 tấn. Mức bán ra thấp hơn là do có lượng đường các đơn vị thương mại gửi tại kho nhà máy và lượng đường nhập khẩu bổ sung.

Lượng đường tồn tại kho các nhà máy đến ngày 15/10/09 là 39.400 tấn, thấp hơn cùng kỳ năm trước 48.300 tấn. Cùng với lượng đường các nhà máy sản xuất ra liên tục, lượng đường hiện có đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng đường trong nước.

c, Giá cả, thị trường

Từ 15/9 đến 15/10/2009, giá đường liên tục tăng, hiện nay giá bán đường trắng loại I đã có thuế tại kho nhà máy từ 13.000 đến 14.000 đ/kg.

4. XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN, PHÂN BÓN

Formatted: Portuguese (Brazil)

4.1. Xuất khẩu nông, lâm và thủy sản

Giá trị xuất khẩu nông, lâm và thủy sản tháng 10 ước đạt 1,28 tỷ USD. Tổng kim ngạch xuất khẩu 10 tháng năm nay ước đạt 12,674 tỷ USD, giảm 8,88 % so với cùng kỳ năm 2008. Xuất khẩu lâm sản và thủy sản gặp nhiều khó khăn nên khối lượng và giá trị xuất khẩu đều giảm. Kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nông sản chủ yếu đạt 6,6 tỷ USD, giảm 10,38 %, thủy sản chỉ đạt 3,469 tỷ USD, giảm 9,62 %; các mặt hàng lâm sản chính giảm nhiều hơn cả, lên tới 14,08% so với cùng kỳ năm 2008 với giá trị 2,147 tỷ USD.

Cụ thể một số mặt hàng chính như sau :

+ **Gạo :** Ước tháng 10/2009 xuất khẩu 400 ngàn tấn, kim ngạch đạt 150 triệu USD, đưa tổng lượng gạo xuất khẩu 10 tháng năm 2009 ước đạt 5,367 triệu tấn, kim ngạch đạt 2,387 tỷ USD, tăng 33,23 % về lượng nhưng giảm 7,65 % về giá trị. Các thị trường xuất khẩu gạo tập trung của Việt Nam hiện nay là Ấn Độ, Philipin, Cu Ba, I rắc. Đặc biệt trong năm nay, thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam sang Châu Phi và Trung Đông tăng mạnh. Sản lượng gạo xuất khẩu sang Châu Phi 9 tháng qua đạt 1,4 triệu tấn, chiếm 27% tổng lượng gạo xuất khẩu, tăng 98% so với cùng kỳ. Lượng gạo xuất khẩu sang Trung Đông gần 250.000 tấn, tuy chỉ chiếm 5% tổng sản lượng xuất khẩu nhưng tăng tới 65% so với cùng kỳ.

+ **Cà phê :** Ước xuất khẩu tháng 10/2009 đạt 50 ngàn tấn với giá trị 74 triệu USD, đưa tổng lượng cà phê xuất khẩu 10 tháng/2009 lên 938 ngàn tấn với giá trị 1,388 tỷ USD, tăng 16,84 % về lượng nhưng lại giảm 17,40% về giá trị. Đây là mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn thứ hai sau gạo trong nhóm hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam. Giá cà phê xuất khẩu Robusta hiện dao động ở mức 1.200-1.600 USD/tấn.

+ **Sắn và các sản phẩm từ sắn:** Ước xuất khẩu tháng 10/2009 đạt 150 ngàn tấn thu về 34 triệu USD đưa giá trị xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn 10 tháng 2009 đạt 503 triệu

USD, tăng 19,35% về giá trị so với cùng kỳ năm 2008. Mặt hàng này không chỉ được sử dụng làm nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi mà còn để sản xuất nhiên liệu sinh học khiến nhu cầu tăng dẫn đến đẩy giá lên cao.

+ **Cao su** : Khối lượng cao su xuất khẩu tháng 10/2009 ước đạt 70 ngàn tấn đưa tổng khối lượng cao su xuất khẩu 10 tháng 2009 ước đạt 549 ngàn tấn với trị giá 840 triệu USD; so với cùng kỳ năm 2008 lượng tăng 6,43% nhưng giá trị chỉ đạt 61,15%. Những ngày gần đây, giá xuất khẩu cao su liên tục tăng từ 1.900 USD đến 2.050 USD/tấn, mức giá cao nhất từ đầu năm đến nay. Với tình hình khả quan như hiện nay nhiều khả năng xuất khẩu cao su năm 2009 sẽ đạt từ 1- 1,1 tỷ USD.

Formatted: Portuguese (Brazil)

+ **Chè** : Ước xuất khẩu tháng 10/2009 đạt 15 ngàn tấn với kim ngạch đạt 20 triệu USD, đưa tổng lượng chè xuất khẩu 10 tháng 2009 ước đạt 111 ngàn tấn, kim ngạch đạt 145 triệu USD. Đây vẫn là mặt hàng duy nhất đạt được kết quả xuất khẩu khả quan trong năm nay, cả khối lượng và giá trị đều tăng, khối lượng tăng 23,26% và giá trị tăng 14,54% so với cùng kỳ năm 2008. Hiện Việt Nam là nước có sản lượng chè đứng thứ 5 trên thế giới và sản phẩm đã có mặt ở 110 quốc gia và vùng lãnh thổ. Giá chè xuất khẩu bình quân của Việt Nam chỉ ở mức khoảng 1.100 USD/tấn, trong khi giá bình quân trên thị trường thế giới là 2.200 USD/tấn. Nguyên nhân chính của thực trạng trên là do 98% lượng chè xuất khẩu của nước ta đều ở dạng nguyên liệu thô, đóng bao 50 kg.

+ **Hạt điều** : Tháng 10/2009, xuất khẩu ước đạt 15 ngàn tấn với trị giá 76 triệu USD, đưa tổng khối lượng điều xuất khẩu 10 tháng 2009 ở mức 144 ngàn tấn với trị giá 675 triệu USD, tăng 4,32% về khối lượng nhưng giá trị vẫn giảm 13,32% so với cùng kỳ năm 2008. So với giá của cùng kỳ năm trước, giá điều xuất khẩu của nước ta đã giảm khoảng 900 USD/tấn, chỉ ở mức 4.700 USD/tấn. Hiện Việt Nam đang là nước đứng đầu thế giới về xuất khẩu điều với các thị trường chính là Mỹ, Úc, Trung Quốc, châu Âu.

+ **Tiêu** : Xuất khẩu tháng 10/2009 ước đạt 12 ngàn tấn, kim ngạch đạt 36 triệu USD, đưa khối lượng tiêu xuất khẩu 10 tháng năm nay lên 120 ngàn tấn với kim ngạch xuất khẩu 300 triệu USD, tăng tới 51,67 % về lượng và nhưng chỉ tăng 8,22 % về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Hoa Kỳ vẫn là thị trường tiêu thụ hạt tiêu lớn nhất của Việt Nam, tăng 18,89% về khối lượng, giá trị giảm nhẹ 1,09%.

+ **Lâm sản và đồ gỗ**: Tháng 10/2009, xuất khẩu các mặt hàng lâm sản chính ước đạt 237 triệu USD, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu 10 tháng 2009 ước đạt 2.147 tỷ USD. Trong đó, gỗ và sản phẩm gỗ ước đạt 1,986 tỷ USD, giảm 13,63%; sản phẩm mây tre, cói thảm ước đạt 143 triệu USD, giảm 22,62 % so với cùng kỳ năm trước.

+ **Thủy sản** : Giá trị xuất khẩu thủy sản tháng 10/2009 ước đạt 430 triệu USD, đưa kim ngạch xuất khẩu thủy sản 10 tháng 2009 đạt 3,469 tỷ USD. Các thị trường xuất khẩu thủy sản lớn của Việt Nam là Nhật Bản, Hoa Kỳ, Hàn Quốc có sự giảm nhẹ về giá trị, cụ thể: Nhật Bản 12,18%, Hoa Kỳ 3,75%, Hàn Quốc 7,12%.

4.2. Nhập khẩu vật tư, phân bón

Tổng giá trị nhập khẩu của các mặt hàng nông, lâm, thủy sản và vật tư, nguyên liệu phục vụ nông, lâm, thủy sản 10 tháng ở mức 8,373 tỷ USD giảm 8,16% so với cùng kỳ năm 2008.

Cụ thể một số mặt hàng chính như sau:

+ **Phân bón:** Lượng phân bón các loại nhập khẩu trong tháng 10 ước đạt 500 ngàn tấn, trong đó; Ure là 180 ngàn tấn, SA – 160 ngàn tấn, DAP – 100 ngàn tấn, NPK – 15 ngàn tấn và các loại khác – 45 ngàn tấn. Khối lượng phân bón nhập khẩu 10 tháng 2009 ước đạt 3,87 triệu tấn với trị giá 1,184 tỷ USD, tăng 37,37% về lượng, và giảm 15,12 % về giá trị so với cùng kỳ năm trước.

+ **Thuốc trừ sâu và nguyên liệu:** Ước nhập khẩu tháng 10/2009 đạt 30 triệu USD, đưa tổng nhập khẩu 10 tháng 2009 ước đạt 362 triệu USD, giảm 12,83 % so với cùng kỳ năm 2008.

+ **Gỗ và sản phẩm gỗ:** Giá trị gỗ và sản phẩm từ gỗ nhập khẩu tháng 10/2009 ước đạt 85 triệu USD đưa tổng kim ngạch nhập khẩu của nhóm hàng này lên 717 triệu USD, giảm 24,41% so cùng kỳ năm trước.

+ **Thức ăn gia súc và nguyên liệu:** Ước kim ngạch nhập khẩu tháng 10/2009 đạt 120 triệu USD. Tổng trị giá nhập khẩu nhóm hàng này 10 tháng 2009 ước đạt 1,508 tỷ USD xấp xỉ cùng kỳ năm trước.

+ **Cao su:** Ước nhập khẩu tháng 10/2009 đạt 30 ngàn tấn, kim ngạch 32 triệu USD. 10 tháng 2009 nhập khẩu 240 ngàn tấn với kim ngạch 302 triệu USD tăng 45,21% về khối lượng và giảm 33,21% về giá trị so với cùng kỳ năm 2008.

+ **Lúa mì:** Ước lượng lúa mì nhập khẩu tháng 10/2009 đạt 140 ngàn tấn với trị giá kim ngạch là 35 triệu USD. Tổng lượng nhập khẩu 10 tháng 2009 đạt 1,15 triệu tấn với trị giá 289 triệu USD, khối lượng tăng 88,95% và giá trị tăng 10,24% so với cùng kỳ năm 2008.

5. THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

5.1. Vốn Ngân sách tập trung do Bộ quản lý.

5.1.1. Tình hình thực hiện vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung .

a. Tình hình thực hiện khối lượng xây dựng cơ bản và giải ngân vốn ngân sách tập trung do Bộ Nông nghiệp & PTNT quản lý thực hiện tháng 10 và 10 tháng năm 2009 (**Mục A của phụ lục 10: vốn ngân sách giao đầu năm**) ước đạt 2.879,9 tỷ đồng bằng 97,5% kế hoạch năm, trong đó :

- *Vốn thực hiện các dự án* đạt 2.611,2 tỷ đồng bằng 99,99% kế hoạch năm;
- + Khối Thủy lợi: Ước đạt 1.863 tỷ đồng, bằng 125,6% kế hoạch;
- + Khối Nông nghiệp: Ước đạt 379,2 tỷ đồng, bằng 76,9% kế hoạch
- + Khối Lâm nghiệp: Ước đạt 123,6 tỷ đồng, bằng 53,7% kế hoạch;
- + Khối Thủy sản: Ước đạt 25,5 tỷ đồng, bằng 106,2% kế hoạch;
- + Khối Khoa học - Công nghệ: Ước đạt 114,3 tỷ đồng, bằng 49,7%

- + Khối Giáo dục - Đào tạo: Ước đạt 59,9 tỷ đồng, bằng 66,7%
 - + Các ngành khác: Ước đạt 45,5 tỷ đồng, bằng 74,5% kế hoạch;
 - *Vốn thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia*: đạt 21,75 tỷ đồng bằng 54% kế hoạch;
 - *Vốn đầu tư theo các mục tiêu nhiệm vụ cụ thể*: đạt 134,7 tỷ đồng bằng 65% kế hoạch;
 - *Vốn chuẩn bị đầu tư*: đạt 47,3 tỷ đồng, bằng 157,6% kế hoạch;
 - *Bổ sung vốn dự trữ Quốc gia*: đạt 65 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch, đã cơ bản nhập kho dự trữ Vaccine, giống rau, giống lúa, thuốc bảo vệ thực vật;
- (Bộ đang đề nghị Chính phủ cấp bổ sung vốn dự trữ Quốc gia)

b. Tình hình thực hiện khối lượng và giải ngân nguồn vốn ngân sách ứng trước cho các dự án cấp bách (**Mục B của phụ lục 10: Vốn ứng trước cho các dự án cấp bách**) thực hiện tháng 10 và 10 tháng năm 2009 ước đạt 782,7 tỷ đồng, bằng 59,8% kế hoạch (bao gồm cả 2 lần vốn ứng trước cho năm 2010, 2011);

5.1.2. Kết quả thực hiện:

Theo báo cáo tổng hợp từ các đơn vị sử dụng vốn ngân sách thuộc Bộ quản lý, kết quả thực hiện của một số dự án 10 tháng năm 2009 thuộc các Khối như sau :

a. Khối thuỷ lợi: Khối lượng thực hiện 10 tháng ước đạt 1.863 tỷ đồng, bằng 125,6% kế hoạch, trong đó:

Các dự án nhóm A, các dự án ODA đạt 2.210 tỷ đồng, bằng 98% kế hoạch, trong đó có các dự án thực hiện cao như dự án ADB3, WB3, WB4, dự án Phan Rí - Phan Thiết, tuy nhiên còn một số tiến độ triển khai thực hiện thấp chưa đạt mục tiêu tiến độ yêu cầu: Dự án ADB4, dự án Phước Hoà;

Cụ thể một số dự án :

+ Dự án Thuỷ lợi lưu vực sông Hồng - ADB3: Khối lượng thực hiện và giải ngân 10 tháng ước đạt 339,2 tỷ đồng, bằng 129% kế hoạch, trong đó vốn trong nước đạt 47 tỷ đồng, vốn ngoài nước đạt 292,2 tỷ đồng; Một số công trình có tiến độ thực hiện cao như: dự án Trạm bơm tiêu Mai Xá, dự án Trạm bơm Bình Hàn - Cầu Sộp, Hệ thống Nam sông Mới; Một số Tiểu dự án đang tranh thủ thời tiết thuận lợi tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công: Hệ thống thuỷ nông Gia Thuận, Công Tắc Giang - Phù Lý, Trạm bơm Vân Đình....

+ Dự án Hỗ trợ thuỷ lợi Việt Nam - WB3: Khối lượng thực hiện và giải ngân 10 tháng ước đạt 432,3 tỷ đồng, bằng 249% kế hoạch, trong đó vốn trong nước đạt 55,6 tỷ đồng, vốn ngoài nước đạt 376,7 tỷ đồng; Về cơ bản các Tiểu dự án đã hoàn thành phần thi công ban quản lý các dự án phối hợp với các nhà thầu tiến hành các thủ tục nghiệm thu bàn giao: Tiểu dự án Kê Gỗ, Tiểu dự án Cầu Sơn - Cẩm Sơn, Tiểu dự án Yên Lập, Tiểu dự án Phú Ninh, Tiểu dự án khu mẫu Cù Chi; Tiến độ thi công hiện đại hoá kênh chính, các kênh cấp 2, cấp 3 đang được khẩn trương đẩy nhanh tiến độ;

+ Dự án Quản lý rủi ro thiên tai - WB4: Khối lượng thực hiện và giải ngân 10 tháng ước đạt 440,8 tỷ đồng, bằng 485% kế hoạch; Ngoài các dự án có tiến độ thực hiện khá cao: kè Hồng Ngự, TDA Cửa Gianh, TDA Cảng Mỹ Á, chủ đầu tư đang phối hợp

Formatted: Portuguese (Brazil)

với các nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công xây lắp các dự án bị chậm tiến độ: Đê biển Phúc Long Nhượng, Cảng Cửa Sốt, Cảng Phú Hải....

+ Dự án Thủy lợi miền Trung ADB4 : Khối lượng thực hiện và giải ngân 10 tháng ước đạt 50,1 tỷ đồng, bằng 50% so với kế hoạch, một số TDA như: TDA Thạch Thành - Thanh Hoá, TDA Nam Thạch Hãn, TDA Nam Hương Trà, TDA Trà Câu - Quảng Ngãi có khối lượng thực hiện và giải ngân còn lại các Tiểu dự án thành phần khác đều triển khai rất chậm chưa đáp ứng được mục tiêu yêu cầu; Nguyên nhân: Tình hình thời tiết không thuận lợi, mưa sớm ở miền Trung, công tác đền bù giải phóng mặt bằng còn vướng mắc ở một số công trình lớn ảnh hưởng đến tiến độ công trình;

b. Khối Nông nghiệp: Khối lượng thực hiện 10 tháng ước đạt 379,2 tỷ đồng, bằng 76,9% so với kế hoạch; Trong đó, các dự án có khối lượng thực hiện và giải ngân cao: Dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai vay vốn ADB. Dự án Phát triển chè và cây ăn quả, dự án Đa dạng hoá nông nghiệp đang thực hiện công tác hoàn thiện quyết toán dự án và trình Chính phủ các thủ tục để tiến hành đàm phán với nhà tài trợ giai đoạn 2 của dự án;

Các Dự án Khoa học và công nghệ nông nghiệp, Các tiểu dự án thuộc chương trình Phát triển ngành nông nghiệp, Dự án Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung có khối lượng thực hiện và giải ngân thấp;

c. Khối Lâm nghiệp: Khối lượng thực hiện 10 tháng ước đạt 123,6 tỷ đồng, bằng 53,7% kế hoạch; Các dự án ODA có tiến độ thực hiện cao: dự án Trồng rừng phòng hộ các tỉnh Miền Trung (vay vốn JBIC), dự án Phát triển lâm nghiệp tại 4 tỉnh Bình Định, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Thừa Thiên Huế;

Một số dự án khối lượng thực hiện và giải ngân thấp: Dự án Phát triển lâm nghiệp và cải thiện đời sống đồng bào Tây Nguyên, Dự án Phát triển lâm nghiệp các tỉnh Sơn La -Hoà Bình, các dự án nhóm B, C, các dự án của các vườn Quốc gia sử dụng vốn trong nước đạt kết quả thấp;

d. Khối Thủy sản: Khối lượng ước đạt 25,5 tỷ đồng, bằng 106,2% kế hoạch; Các dự án xây dựng các Cảng cá, Khu neo đậu tránh trú bão của tàu đánh bắt xa bờ đang tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thi công; Tuy nhiên, các dự án Nâng cấp và mở rộng Trung tâm Chất lượng, an toàn vệ sinh và Thú y thủy sản tại các vùng đều thực hiện và giải ngân chậm;

e. Khối Khoa học công nghệ, Giáo dục Đào tạo: Khối lượng thực hiện và giải ngân 10 tháng của khối Khoa học - Công nghệ, Giáo dục đào tạo đạt 114,3 tỷ đồng và 59,9 tỷ đồng; Tiến độ thực hiện và giải ngân của 2 khối này đều chậm, chưa đáp ứng được yêu cầu mục tiêu đầu tư;

5.1.3. Một số công tác quản lý xây dựng cơ bản trọng tâm cần thực hiện trong thời gian tới.

- Tập trung đôn đốc, chỉ đạo các địa phương khẩn trương xử lý sự cố đê, kè, hồ chứa nước và hệ thống các công trình thủy lợi bị vỡ hoặc bị sạt lở do ảnh hưởng của bão số 9, số 10, áp thấp nhiệt đới tại các tỉnh Trung Bộ, Bắc Trung Bộ và các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ, các tỉnh ở khu vực Tây Nguyên;

Formatted: Portuguese (Brazil)

- Tiến hành hàn khẩu ngay các tuyến đê, các đập tràn bị vỡ, nhanh chóng khôi phục các công trình thủy lợi để phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân; Yêu cầu các địa phương phối hợp chặt chẽ với các chủ đầu tư tăng cường công tác kiểm tra an toàn các công trình thủy lợi, tiếp tục theo dõi diễn biến thời tiết, chủ động vận hành đê đảm bảo tiêu và thoát lũ;

- Tiếp tục thúc đẩy mục tiêu, tiến độ toàn bộ các chương trình, dự án của toàn ngành, nhất là tiến độ thực hiện các công trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn trái phiếu Chính phủ, các dự án Nông, Lâm nghiệp vay vốn ADB, WB;

- Đôn đốc các chủ đầu tư đẩy nhanh việc thực hiện các thủ tục XDCB để giải ngân các nguồn vốn thuộc khung kế hoạch năm 2009 và vốn ứng trước năm 2010, 2011 cho các công trình cấp bách tại văn bản số 237/QĐ-TTg và văn bản số 939/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

- Trên cơ sở thông báo của Bộ Kế hoạch & Đầu tư, Bộ Tài chính, tập trung hướng dẫn các đơn vị xây dựng kế hoạch, đề cương, dự toán chi tiết các dự án đầu tư, điều tra cơ bản, thiết kế quy hoạch; Tập trung phê duyệt các dự án đầu tư, chuẩn bị đầu tư, điều tra cơ bản, thiết kế quy hoạch (dự kiến trong năm 2010) đúng thời hạn quy định;

- Rà soát tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2009, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành có liên quan bổ sung vốn đối ứng để đáp ứng tiến độ thực hiện và cam kết trong hiệp định vốn vay của các dự án Phước Hoà, ADB3, WB3, Phan Rí - Phan Thiết, WB4, bổ sung vốn trái phiếu Chính phủ để thúc đẩy các dự án thi công vượt kế hoạch vốn năm 2009;

- Tăng cường kiểm tra việc thực hiện thông tư 09/BXD của Bộ Xây dựng về việc điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng, giám sát chặt chẽ chống thất thoát lãng phí trong XDCB; Tổng hợp các kiến nghị, vướng mắc của các nhà thầu và các chủ đầu tư trong quá trình thực hiện thông tư 09/BXD trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan kịp thời tháo gỡ khó khăn về trình tự thủ tục, cơ chế chính sách về vốn, giải ngân nguồn vốn cho các chủ đầu tư;

- Chỉ đạo các chủ đầu tư, các đơn vị tư vấn thiết kế đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện thủ tục, thẩm định và trình Bộ phê duyệt thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán của các công trình mở mới, các công trình tiếp tục, các công trình chuyển tiếp, các công trình được ghi vốn kế hoạch năm 2010 để chủ động triển khai kế hoạch của năm sau (dự kiến phê duyệt trước 31/10/2009);

5.2. Các công trình thuộc nguồn vốn trái phiếu Chính phủ .

5.2.1. Phân bổ và thông báo kế hoạch vốn năm 2009.

Căn cứ vào kế hoạch phân bổ vốn trái phiếu Chính phủ năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ, về cơ bản Bộ Nông nghiệp đã thông báo vốn cho các chủ đầu tư.

5.2.2. Kết quả thực hiện

Khối lượng thực hiện 10 tháng ước đạt 2.345,7 tỷ đồng, đạt 61% kế hoạch, giải ngân 1.934 tỷ đồng, đạt 47% kế hoạch, trong đó :

Formatted: Portuguese (Brazil)

- Các công trình theo quyết định 171/2006/QĐ- TTg : Khối lượng ước đạt 2.075,6 tỷ đồng, bằng 61,9% kế hoạch, gồm :
 - + Các công trình thủy lợi lớn, cấp bách: Khối lượng ước đạt 1.301,6 tỷ đồng;
 - + Các công trình thủy lợi miền Núi: Khối lượng ước đạt 483 tỷ đồng;
 - + Các công trình thủy lợi đồng bằng sông Cửu Long: Khối lượng ước đạt 291 tỷ đồng;
- Các dự án cấp bách bổ sung: Khối lượng thực hiện ước đạt 125,9 tỷ đồng, bằng 63% kế hoạch;
- Các dự án đồng bằng sông Hồng : Khối lượng ước đạt 144,2 tỷ đồng, bằng 36% kế hoạch

6. HIỆN TRẠNG BÁO CÁO THỐNG KÊ HÀNG THÁNG

Tháng 10/2009, có 49/63 Sở NN&PTNT (26 tỉnh miền Bắc và 23 tỉnh miền Nam) gửi báo cáo tiến độ về Trung tâm Tin học và Thống kê đúng hạn đáp ứng phần nào công việc tổng hợp chung, phục vụ chỉ đạo của Bộ và của ngành. Tuy nhiên, một số đơn vị chưa đảm bảo thời gian gửi, còn chậm. Vẫn còn 14 tỉnh (chiếm 22 % số tỉnh) không gửi báo cáo tháng và số báo cáo chưa đúng qui định vẫn còn nhiều (xem Phụ lục 10a và 10b).

Trung tâm Tin học và Thống kê đã có nhiều nỗ lực để thu thập thông tin phục vụ công tác tổng hợp. Tuy nhiên, số lượng báo cáo về diêm nghiệp, thủy sản và khối doanh nghiệp còn quá ít (kể cả về số lượng cũng như chất lượng báo cáo). Do vậy, việc tổng hợp tình hình chung của toàn ngành, nhất là về số liệu phản ánh tình hình sản xuất gặp rất nhiều khó khăn.

Để đáp ứng yêu cầu tổng hợp số liệu, cung cấp thông tin phân tích dự báo tình hình sản xuất phục vụ công tác điều hành, quản lý của Bộ và của ngành, bên cạnh các biện pháp mạnh chỉ đạo các đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc Bộ và các địa phương cần chấp hành nghiêm túc chế độ báo cáo theo quy định, việc hình thành hệ thống thống kê thống nhất trong toàn ngành là vấn đề cấp thiết cần được Bộ quan tâm chỉ đạo.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận :

- Lãnh đạo Bộ
- Vụ Kế hoạch
- Phát hành trên website: mard.gov.vn
- Lãnh đạo Trung tâm
- Lưu VT, TK₍₂₎, Dự báo

Đã ký

Nguyễn Viết Chiến

Formatted: Portuguese (Brazil)